

Số: 56/KL-TTr

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động
tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn

Thực hiện Quyết định số 499/QĐ-TTr ngày 19/9/2019 của Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn, địa chỉ: Số 03 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; ngày 08/10/2019, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Số 03 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 23/10/2019 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 65% vốn.
- Năm thành lập: 2008.
- Tên cơ quan chủ quản: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300479714 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/01/2008, thay đổi lần thứ 04 ngày 01/10/2015.
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: Bốc xếp, giao nhận và bảo quản hàng hóa, dịch vụ kho bãi.
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát, 06 phòng nghiệp vụ, 02 trung tâm, 02 chi nhánh hạch toán phụ thuộc.
- Điện thoại giao dịch: 0283.9402184 Fax: 0283.9400168.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: Số 03 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.
- Số tài khoản 1700201003384 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, phòng giao dịch Nhà Rồng.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 839 người.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ tình hình thay đổi về lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Số lao động tuyển mới trong thời kỳ thanh tra: 104 lao động.
- Hình thức và phương thức tuyển, quy chế tuyển dụng lao động: Đã xây dựng quy chế tuyển dụng lao động và ban hành kèm theo Quyết định số 1060/QĐ-TGD ngày 29/10/2009 của Tổng Giám đốc và thực hiện theo quy chế tuyển dụng, cụ thể: Doanh nghiệp ban hành thông báo tuyển dụng và niêm yết tại trụ sở, đăng báo, Website nội bộ sau đó áp dụng hình thức thi tuyển.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động, nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.
- Doanh nghiệp không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động.
- Việc tổ chức đào tạo, học nghề, tập nghề cho người lao động: Doanh nghiệp không trực tiếp đào tạo nghề cho người lao động. Người lao động sau khi được tuyển dụng vào doanh nghiệp và ký hợp đồng lao động được đào tạo nghề tại Trường Công nhân kỹ thuật Cảng Sài Gòn đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ cảng, chi phí đào tạo nghề do doanh nghiệp chi trả.

- Trong thời kỳ thanh tra, không có lao động đang thử việc.
- Tình hình tăng, giảm lao động hàng năm: Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tuyển dụng 104 lao động và giảm 509 người, cụ thể: 12 người nghỉ chế độ hưu trí, 347 lao động bị mất việc làm, 150 người chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra).

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 11 người (thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát).
- Số người thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 828 người.
- Đã ký hợp đồng lao động với 828/828 người thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 684 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 144 người.
 - + Hợp đồng thử việc: 0 người.
- Số lao động thuê lại: không
- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 347 lao động bị mất việc làm, đã trả trợ cấp mất việc làm cho 347 người với tổng số tiền: 63.119.531.250 đồng.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 150 lao động thôi việc; có 87/150 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, đã được doanh nghiệp chi trả với tổng số tiền là 5.298.107.051 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và Thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã thực hiện đối thoại tại nơi làm việc định kỳ 03 tháng/lần.

- Nội dung đối thoại được ghi nhận và ký kết trong biên bản hội nghị đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

- Hồ sơ TULĐTT có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động, có biên bản cuộc họp thương lượng.

- Đã ký kết TULĐTT và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Nội dung TULĐTT có một số quy định có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động như: Người lao động được thưởng các ngày lễ, tết, ngày truyền thống của Cảng Sài Gòn, các chế độ chăm lo cho người lao động (việc hiếu, hỷ).

5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Đối với bộ phận gián tiếp (khối văn phòng), doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày; ngày nghỉ hàng tuần là thứ bảy, chủ nhật.

- Đã thực hiện áp dụng thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 6 giờ/ngày.

- Người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm không vượt quá 30 giờ/tháng/người.

- Đã bố trí người lao động nghỉ ít nhất 04 ngày/tháng.

- Doanh nghiệp đã thực hiện các quy định về nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Doanh nghiệp áp dụng số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày chưa kể thâm niên; lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 14 ngày chưa kể thâm niên; lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 16 ngày chưa kể thâm niên.

6. Tiền lương và thu nhập

6.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

6.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và định mức lao động

Doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và gửi thang lương, bảng lương đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

a. Mức lương bình quân (MLBQ) theo thang lương, bảng lương:

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018	
	Số lao động	MLBQ (triệu đồng)	Số lao động	MLBQ (triệu đồng)
Lao động quản lý	15	14,420	15	16,150
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	488	5,862	382	6,805
Công nhân trực tiếp SXKD	265	6,817	182	8,108
Nhân viên thừa hành phục vụ	552	5,422	386	6,386
Tổng cộng	1320	5,859	965	6,915



b. Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCBQ): Không phát sinh.

6.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Hàng năm, trước khi quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề và xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, doanh nghiệp có văn bản báo cáo xin ý kiến chủ sở hữu (Vinalines). Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm trước liền kề và quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động làm cơ sở phân phối trong năm.

- Việc phân phối tiền lương hàng tháng chiếm tối đa 88% quỹ tiền lương được chi, còn lại 12% sẽ căn cứ vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh để phân phối lại cho người lao động thông qua các đợt Tết, Lễ và các Quý trong năm.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người lao động được phê duyệt theo Nghị quyết số 300/NQ-CSG ngày 22/6/2018.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người lao động được phê duyệt theo Nghị quyết số 431/NQ-CSG ngày 14/6/2019.

- Đã xây dựng Quy chế tiền lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-CSG ngày 28/01/2016 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 103/QĐ-TGD ngày 01/02/2016 của Tổng giám đốc.

- Tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ được trả hàng tháng trên bảng thanh toán tiền lương của người lao động theo quy định.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm vào ban đêm của người lao động thực hiện theo quy định.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có lao động bị ngừng việc.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: Doanh nghiệp tiến hành khấu trừ tiền lương đối với các trường hợp phải bồi thường thiệt hại do làm hư hỏng thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại về tài sản. Mức khấu trừ lương hàng tháng không quá 30% tiền lương hàng tháng của người lao động sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập.

6.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: 30.000 đồng/người/ngày, để đảm bảo hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hàng tháng chi 20.000 đồng/công (ca).

- Tiền lương và thu nhập bình quân thực tế của người lao động:

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	Triệu đ/ng/tháng	60,531	13,429	6,220	64,285	12,886	6,541
2	Thu nhập	Triệu đ/ng/tháng	60,531	13,429	6,220	65,271	13.872	7,527

6.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

6.2.1. Tiền lương

Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp trình chủ sở hữu phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý cùng với người lao động.

Căn cứ vào quỹ tiền lương, tạm ứng lương hàng tháng cho người quản lý theo nội quy khối gián tiếp phục vụ.

Cuối năm, căn cứ kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, trình chủ sở hữu quỹ tiền lương thực hiện làm căn cứ quyết toán quỹ tiền lương của người quản lý, cụ thể:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người quản lý chuyên trách là người đại diện vốn được phê duyệt theo Nghị quyết số 276/NQ-CSG ngày 04/6/2018

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người quản lý chuyên trách không là người đại diện vốn được phê duyệt theo Nghị quyết số 300/NQ-CSG ngày 22/6/2018

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người quản lý chuyên trách là người đại diện vốn được phê duyệt theo Nghị quyết số 368/NQ-CSG ngày 03/5/2019

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người quản lý chuyên trách không là người đại diện vốn được phê duyệt theo Nghị quyết số 431/NQ-CSG ngày 14/6/2019.

- Số lượng người quản lý: 9 người, trong đó:

+ Số lượng thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách: 05 người.

+ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 04 người

- Thù lao của người quản lý: Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền lương, thù lao năm 2017, năm 2018 của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền lương	Triệu đ/ng/tháng	60,531	52,716	45,860	64,285	54,000	47,187
2	Thù lao	Triệu đ/ng/tháng	5,262	5,262	5,262	6,48	6,48	6,48

6.2.2. Tiền thưởng

- Quỹ tiền thưởng của người quản lý: Do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh hàng năm theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

- Việc trích thưởng hàng năm: Trích lập quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế theo quy định và được biểu quyết phê duyệt qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Tiền thưởng, thu nhập năm 2017, năm 2018 của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017			Năm 2018		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Tiền thưởng	Triệu đ/ng/tháng	0	0	0	1,16	1,16	1,16
2	Thu nhập	Triệu đ/ng/tháng	60,531	52,716	45,860	68.074	56,800	48,327

6.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị để quyết định phê duyệt kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với Hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

7. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã phân loại số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 247 người.

- Đã thống kê lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 234 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm và đã lấy ý kiến ban chấp hành công đoàn khi xây dựng.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định (ban hành tại Quyết định số 219/QĐ-CSG ngày 15/3/2019 của Tổng giám đốc).

- Đã bố trí 15 người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, trong đó có 15 người chuyên trách.

- Đã bố trí 02 người làm công tác y tế, trong đó có 01 y sỹ, 01 y tá.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 86 máy, thiết bị (16 bình chịu áp lực, 70 thiết bị nâng), trong đó đã kiểm định kỹ thuật an toàn đối với 86 máy, thiết bị và còn hạn kiểm định.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động (839 người).

- Đã trang bị và lập sổ cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã xây dựng và niêm yết nội quy, quy trình vận hành máy, thiết bị và đề ra các biện pháp làm việc an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại tương đương mức 10.000 đồng/người/ca làm việc.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động, tổng số mẫu đã đo: 19 mẫu, số mẫu đạt tiêu chuẩn: 19 mẫu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; khám sức khỏe cho lao động nữ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đã được khám ít nhất 06 tháng một lần và đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động theo quy định.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật

- Tổng số lao động nữ: 258 người. Việc thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ: Doanh nghiệp không bố trí lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên, nuôi con dưới 12 tháng tuổi đi công tác xa nhà, làm việc vào ban đêm và làm thêm giờ; làm việc tại những nơi có yếu tố nguy hiểm, nặng nhọc, độc hại; lao động nữ trong thời gian hành kinh mỗi ngày được nghỉ 30 phút được hưởng nguyên lương, phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được nghỉ mỗi ngày 60 phút để cho con bú hưởng nguyên lương.

+ Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có lao động nữ bị xử lý kỷ luật lao động, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Trong thời kỳ thanh tra, không có lao động là người cao tuổi, lao động là người khuyết tật.

8.2. Đối với lao động là người nước ngoài: Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.3. Đối với lao động chưa thành niên: Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng nội quy lao động và ban hành kèm theo Quyết định số 142/QĐ-TGD ngày 20/3/2017 của Tổng Giám đốc. Nội quy lao động đã đăng ký

và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận ngày 27/3/2017.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp xử lý kỷ luật lao động 06 vụ (khiển trách: 03 vụ; sa thải: 03 vụ).

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra có 01 lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất cho doanh nghiệp với số tiền phải bồi thường là 5.756.667 đồng (số tiền này người lao động bị khấu trừ 10% tiền lương hàng tháng, do người lao động làm hỏng pulley cầu Liebherr CBW). Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật thực hiện theo đúng quy định.

10. Tranh chấp lao động

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có phát sinh tranh chấp lao động và đình công.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHTN, BHYT, BHXH: 839 người.

- Số người đã tham gia BHTN, BHYT, BHXH: 839 người.

- Đã phối hợp với cơ quan BHXH thực hiện các chế độ đối với người lao động theo quy định.

- Số sổ BHXH đã được cấp: 839 sổ.

- Tiền BHXH, BHYT, BHTN đóng cho người lao động được trích lập theo mức lương chức danh công việc (tiền lương theo hệ số lương trong hệ thống thang lương, bảng lương đã đăng ký với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh).

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp không chậm nộp tiền BHTN, BHYT, BHXH.

- 12. Khiếu nại về lao động:** Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có khiếu nại về lao động.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG CHƯA ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. Kiểm tra hợp đồng lao động (Nguyễn Thanh Ngọc, Võ Hoàng Giang), nội dung của hợp đồng ghi chưa cụ thể: Mục công việc phải làm ghi “thực hiện các công việc theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị” là chưa đúng quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động, Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ và Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ.

2. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ quy định tại Điều 154 Bộ luật Lao động năm 2012.

3. Điều 23 Nội quy lao động có nội dung quy định “hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ thì bị kỷ luật với hình thức sa thải, tuy nhiên chưa quy định cụ thể danh mục tài liệu là bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ” là chưa đúng quy định tại Điều 119 Bộ luật Lao động, Điều 27 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Tổng Giám đốc doanh nghiệp khắc phục sai phạm/thiếu sót nêu tại phần III trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận này.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, yêu cầu Tổng Giám đốc doanh nghiệp báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên, gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục vi phạm về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (để biết);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra;
- Lưu TTr, Hồ sơ.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp



Handwritten signature or initials in red ink, located in the lower right quadrant of the page.